

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2026/HS-ST
Ngày 20-01-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Ninh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lộc Văn Quảng

Bà Hà Thị Hồng Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1- Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Huê - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 126/TLST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2026/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2026, đối với bị cáo:

Phạm D, sinh ngày 17/7/1968 tại Lạng Sơn; số CCCD: *****; ngày cấp: 12/4/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi đăng ký thường trú: Tổ x, đường N, khối y, phường T, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Ngõ x, đường T, phường L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/10; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Phạm Văn L (đã chết) và bà Mai Thị M (đã chết); có chồng: Trần H (đã chết) và 02 con, lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính; bị bắt tạm giữ từ ngày 11/9/2025 đến ngày 14/9/2025 thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1979; địa chỉ: Số x, tổ y, khối z, phường K, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

2. Bà Phương Thị N, sinh năm 1972; địa chỉ: Số x, đường Đ, phường L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

3. Bà Lương Thị B, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ x, khối y, phường K, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

4. Bà Vi Thị Ngọc H, sinh năm 1982; địa chỉ: Số x, đường N, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

5. Bà Lộc Thị N, sinh năm 1986; địa chỉ: Số y, khối z, phường K, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

6. Bà Hoàng Thị D, sinh năm 1977; địa chỉ: Số x, ngõ y, ngách 1, đường N, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do thấy có nhiều người có nhu cầu vay tiền nên từ khoảng tháng 6 năm 2025 đến tháng 9 năm 2025, Phạm D bắt đầu cho người khác vay tiền dưới hình thức lãi ngày, mức vay từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng, với lãi suất là 30.000 đồng/triệu/ngày không yêu cầu viết giấy tờ hay thế chấp, tín chấp gì cả; nếu người vay trả lãi suất đúng hạn thì Phạm D tiếp tục cho vay từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng gộp với khoản vay cũ thành một khoản vay mới để tiếp tục tính lãi và thu lãi luôn trong ngày với người vay tiền. Phạm D sẽ sử dụng số tài khoản 0857066356 của Ngân hàng M, chủ tài khoản mang tên Phạm D để chuyển tiền cho người vay và nhận tiền lãi hàng ngày qua tài khoản Ngân hàng trên.

Lãi suất Phạm D cho vay nêu trên, tương ứng với 1095%/năm gấp 54,75 lần so với mức lãi suất do Nhà nước quy định. Theo quy định của Bộ luật Dân sự thì mức lãi suất cho vay không được vượt quá 20%/năm, tương ứng với 547,95 đồng/1.000.000 đồng/ ngày.

Quá trình điều tra đã xác định, Phạm D cho những người vay, cụ thể như sau:

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1979, trú tại số 39, tổ 2, khối 7, phường K, tỉnh Lạng Sơn: từ ngày 17/6/2025, ngày 10/9/2025, Phạm D đã cho N vay tổng số tiền là 18.000.000 (mười tám triệu) đồng, tổng số tiền lãi Phạm D đã thu của N là 26.730.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 488.219 đồng, tiền thu lợi bất hợp pháp là 26.241.781 đồng. Hiện nay, Nguyễn Thị N vẫn chưa trả tiền nợ gốc 18.000.000 đồng cho Phạm D.

2. Bà Phương Thị N, sinh năm 1972, trú tại số 76, đường Đ, phường L, tỉnh Lạng Sơn: từ ngày 16/6/2025 đến ngày 10/9/2025, Phạm D cho N vay tổng số tiền là 8.000.000 (tám triệu) đồng, Tổng số tiền lãi Phạm D đã thu của N là 7.860.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 143.562 đồng, tiền thu lợi bất hợp pháp là 7.716.438 đồng. Hiện Phương Thị N đã trả được 3.000.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 5.000.000 đồng.

3. Bà Lương Thị B, sinh năm 1987, trú tại tổ 3, khối 26, phường K, tỉnh Lạng Sơn: từ ngày 01/8/2025 đến ngày 10/9/2025, Phạm D cho B vay tổng số tiền là 8.000.000 (tám triệu) đồng, tổng số tiền lãi Phạm D đã thu của B là 5.610.000 đồng, trong đó: tiền lãi hợp pháp 102.446 đồng, tiền thu lợi bất hợp

pháp là 5.507.534 đồng. Hiện nay, Lương Thị B chưa trả số tiền nợ gốc 8.000.000 đồng cho Phạm D.

4. Bà Lộc Thị N, sinh năm 1986, trú tại khối 7, phường K, tỉnh Lạng Sơn: Từ ngày 16/7/2025 đến ngày 10/9/2025, Phạm D cho N vay tổng số tiền 16.000.000 (mười sáu triệu) đồng; tổng số tiền lãi Phạm D đã thu của N là 11.820.000 đồng, trong đó: tiền lãi hợp pháp là 215.890 đồng, tiền thu lợi bất hợp pháp là 11.604.110 đồng. Hiện nay, Lộc Thị N đã trả cho Phạm D 6.000.000 đồng tiền nợ gốc, còn 10.000.000 đồng chưa trả cho Phạm D.

5. Bà Vi Thị Ngọc H, sinh năm 1982, trú tại số 263, đường N, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn: từ ngày 28/7/2025 đến ngày 07/9/2025, Phạm D cho H vay tổng số tiền là 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng, H đã trả tiền lãi cho Dung tổng số tiền là 7.370.000 (bảy triệu ba trăm bảy mươi nghìn) đồng, trong đó: tiền lãi hợp pháp 148.767 đồng, tiền thu lợi bất hợp pháp là 7.221.233 đồng. Hiện nay, Vi Thị Ngọc H chưa trả số tiền gốc 7.500.000 đồng cho bà Phạm D.

6. Hoàng Thị D, sinh năm 1977, trú tại số 2, ngõ 205, ngách 1, đường N, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn: từ ngày 07/8/2025 đến ngày 08/9/2025, Phạm D cho D vay tổng số tiền là 10.000.000 (mười triệu) đồng, tiền lãi D đã trả là 6.375.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp là 115.890 đồng, tiền lãi thu lợi bất hợp pháp là 6.259.110 đồng. Hiện nay, Hoàng Thị D chưa trả số tiền vay gốc 10.000.000đ (Mười triệu đồng) cho Phạm D.

Tại biên bản xác định tiền vay, lãi suất và thu lợi bất chính lập ngày 11/9/2025 và ngày 24/10/2025 xác định cụ thể các lần vay như sau:

S T T	Họ và tên người vay tiền	Số lần vay	Thời gian vay từ ngày	Thời gian vay đến ngày	Số tiền gốc vay (đồng)	Số tiền bị cáo đã cắt lãi (đồng)	Lãi suất vay thực tế (%/năm)	Số tiền lãi trong quy định 20%/năm (đồng)	Số tiền thu lợi bất chính (đồng)	Số tiền gốc người vay còn nợ bị cáo (đồng)
1	Nguyễn Thị N	1	17/6/2025	29/6/2025	3.000.000	1.170.000	1095	21.370	1.148.630	18.000.000
		2	30/6/2025	13/7/2025	6.000.000	2.520.000	1095	46.027	2.473.973	
		3	14/7/2025	31/7/2025	9.000.000	4.860.000	1095	88.767	4.771.233	
		4	1/8/2025	15/8/2025	12.000.000	5.400.000	1095	98.630	5.301.370	
		5	16/8/2025	29/8/2025	15.000.000	6.300.000	1095	115.068	6.184.932	
		6	30/8/2025	10/9/2025	18.000.000	6.480.000	1095	118.356	6.361.644	
2	Phương Thị N	1	16/6/2025	18/6/2025	3.000.000	270.000	1095	4.932	265.068	5.000.000
		2	2/7/2025	21/8/2025	3.000.000	4.590.000	1095	83.836	4.506.164	
		3	22/8/2025	10/9/2025	5.000.000	3.000.000	1095	54.795	2.945.205	
3	Lương Thị B	1	1/8/2025	12/8/2025	3.000.000	1.080.000	1095	19.726	1.060.274	8.000.000
		2	13/8/2025	8/9/2025	5.000.000	4.050.000	1095	73.973	3.976.027	
		3	9/9/2025	10/9/2025	8.000.000	480.000	1095	8.767	471.233	
4	Lộc Thị N	1	16/7/2025	21/7/2025	3.000.000	540.000	1095	9.863	530.137	10.000.000
		2	22/7/2025	28/7/2025	6.000.000	1.260.000	1095	23.014	1.236.986	
		3	5/8/2025	10/8/2025	5.000.000	900.000	1095	16.438	883.562	

		4	11/8/2025	13/8/2025	8.000.000	720.000	1095	13.151	706.849	
		5	14/8/2025	10/9/2025	10.000.000	8.400.000	1095	153.425	8.246.575	
5	Vi Thị Ngọc H	1	28/7/2025	4/8/2025	3.000.000	720.000	1095	13.151	706.849	7.500.000
		2	5/8/2025	7/8/2025	5.000.000	450.000	1095	8.219	441.781	
		3	8/8/2025	7/9/2025	7.500.000	6.200.000	973,3	127.397	6.072.603	
6	Hoàng Thị D	1	7/8/2025	14/8/2025	3.000.000	720.000	1095	13.151	706.849	10.000.000
		2	14/8/2025	14/8/2025	3.000.000	90.000	1095	1.644	88.356	
		3	15/8/2025	27/8/2025	6.000.000	2.340.000	1095	42.740	2.297.260	
		4	27/8/2025	27/8/2025	1.500.000	45.000	1095	822	44.178	
		5	28/8/2025	2/9/2025	7.500.000	1.380.000	1119,3	24.658	1.355.342	
		6	3/9/2025	8/9/2025	10.000.000	1.800.000	1095	32.877	1.767.123	
	Tổng cộng				67.500.000	65.765.000		1.214.795	64.550.205	58.500.000

Tại bản Cáo trạng số 56/CT-VKSKV1 ngày 04 tháng 12 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Phạm D về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Phạm D khai nhận: Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2025 đến tháng 9/2025, bị cáo đã cho 06 khách vay tiền nhiều lần gồm gồm bà Nguyễn Thị N, bà Phương Thị N, bà Lương Thị B, bà Lộc Thị N, bà Vi Thị Ngọc H và bà Hoàng Thị D. Tổng số tiền bị cáo cho vay là 67.500.000 đồng, với mức lãi suất tính theo ngày, trung bình 30.000 đồng/1.000.0000 đồng/ngày; tổng số tiền thu lời bất chính là 64.550.205 đồng.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị N, bà Phương Thị N, bà Lương Thị B, bà Lộc Thị N, bà Vi Thị Ngọc H và bà Hoàng Thị D vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt, lời khai trong quá trình điều tra thể hiện được vay tiền của Phạm D với số lần vay, thời gian vay, số tiền vay, lãi suất và việc trả nợ gốc và trả lãi như nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm D phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự;

Đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm D từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ; phạt bổ sung từ 30.000.000 đến 40.000.000 đồng.

- Về áp dụng biện pháp tư pháp: Truy thu số tiền gốc bị cáo cho vay lãi nặng từ bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án còn nợ tiền gốc bị cáo tổng là 67.500.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước, trong đó:

- + Bị cáo Phạm D phải nộp số tiền: 9.000.000 đồng;
- + Bà Nguyễn Thị N phải nộp số tiền: 18.000.000 đồng;
- + Bà Phương Thị N phải nộp số tiền: 5.000.000 đồng;
- + Bà Lương Thị B phải nộp số tiền: 8.000.000 đồng;

+ Bà Lộc Thị N phải nộp số tiền: 10.000.000 đồng;

+ Bà Vi Thị Ngọc H phải nộp số tiền: 7.500.000 đồng;

+ Bà Hoàng Thị D phải nộp số tiền: 10.000.000 đồng;

- Truy thu bị cáo Phạm D số tiền lãi tương ứng với mức 20%/năm theo quy định là 1.214.795 đồng.

- Buộc bị cáo Phạm D phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án số tiền lãi đã thu vượt mức 20%/năm, tổng là 64.550.205 đồng, cụ thể:

+ Trả cho bà Nguyễn Thị N: 26.241.781 đồng

+ Trả cho bà Phương Thị N: 7.716.438 đồng

+ Trả cho bà Lương Thị B: 5.507.534 đồng

+ Trả cho bà Lộc Thị N: 11.604.110 đồng

+ Trả cho bà Vi Thị Ngọc H: 7.221.233 đồng

+ Trả cho bà Hoàng Thị D: 6.259.110 đồng

- Về xử lý vật chứng: Tịch thu hóa giá 01 điện thoại di động, nhãn hiệu GALAXY A15, màu tím than, số IMEI 1: 357301903624352; IMEI 2: 357371923624351, máy cũ đã qua sử dụng, lắp thẻ sim Viettel số thuê bao 0857.066.356.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội đã thực hiện, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều vắng mặt, và đã có đơn xin xét xử vắng mặt, những người này đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ. Sự vắng mặt của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ảnh hưởng đến việc xét xử, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng, việc thu thập tài liệu, chứng cứ của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện, các tài liệu chứng cứ đã thu thập đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, các vật chứng đã thu giữ được và toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2025 đến tháng 9/2025, Phạm D đã cho 06 người vay lãi nặng với tổng số tiền cho vay 67.500.000 đồng, mức lãi suất từ 973,3%/năm đến 1119,3%/năm (gấp 48,7 - 56 lần lãi suất tối đa được phép quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, số tiền thu lời bất chính là 64.550.205 đồng. Do đó, đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm D phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Lạng Sơn truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng pháp luật nghiêm cấm nhưng do háms lợi và coi thường pháp luật nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, do đó hành vi của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật để nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung. Ngoài việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nêu trên, để có mức án thỏa đáng còn phải xem xét những yếu tố liên quan đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và các yếu tố khác có liên quan của bị cáo, trên cơ sở xem xét lời đề nghị, luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về nhân thân, tiền án, tiền sự: Bị cáo Phạm D chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính; không có tiền án, tiền sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Phạm D thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân, số tiền thu lời bất chính, xét thấy bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng nên cho bị cáo được cải tạo tại địa phương là phù hợp. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo và không buộc bị cáo phải lao động công ích do bị cáo không có thu nhập ổn định, độ tuổi và sức khỏe không bảo đảm.

[9] Hình phạt bổ sung: Căn cứ kết quả xác minh và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, cho thấy mặc dù bị cáo không có thu nhập ổn định nhưng bị cáo không thuộc diện chính sách, hộ nghèo. Do đó, cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền để sung ngân sách nhà nước đối với bị cáo để răn đe và phòng ngừa chung.

[10] Về biện pháp tư pháp:

[11] Đối với số tiền gốc bị cáo cho vay lãi nặng, xét đây là số tiền bị cáo dùng vào việc phạm tội, nên buộc bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải nộp lại tổng là 67.500.000 đồng. Trong đó, bị cáo đã được Phương Thị N tất toán món vay ngày 16/6/2025 đến ngày 18/6/2025 tiền nợ gốc là 3.000.000 đồng và Lộc Thị N tất toán món vay ngày 16/7/2025 đến ngày 28/7/2025 tiền nợ gốc là 6.000.000 đồng, tổng là 9.000.000 đồng; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa trả tiền gốc cho bị cáo, chỉ trả tiền lãi theo ngày nên cũng cần phải truy thu từ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để nộp vào Ngân sách Nhà nước tổng số tiền 58.500.000 đồng.

[12] Truy thu bị cáo Phạm D số tiền lãi tương ứng với mức 20%/năm theo quy định là 1.214.795 đồng.

[13] Buộc bị cáo Phạm D phải có trách nhiệm trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án số tiền lãi đã thu vượt mức 20%/năm, tổng là 64.550.205 đồng.

[14] Về xử lý vật chứng: Tịch thu hóa giá 01 điện thoại di động, nhãn hiệu GALAXY A15, màu tím than, số IMEI 1: 357301903624352; IMEI 2: 357371923624351, máy cũ đã qua sử dụng, lắp thẻ sim Viettel số thuê bao 0857.066.356 do liên quan đến hành vi phạm tội.

[15] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn tại phiên tòa có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[16] Về án phí: Bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[17] Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36, Điều 50 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm D phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

2. Về hình phạt

2.1. Xử phạt bị cáo Phạm D 12 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 ngày bị cáo bị tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Phạm D cho Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

Trường hợp người bị kết án hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo và không buộc bị cáo phải lao động công ích.

2.2. Phạt bổ sung bị cáo Phạm D 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

3. Về biện pháp tư pháp:

3.1. Truy thu số tiền gốc bị cáo cho vay lãi nặng và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án còn nợ tiền gốc bị cáo tổng là 67.500.000 đồng (sáu bảy triệu năm trăm nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước, trong đó:

Bị cáo Phạm D phải nộp số tiền 9.000.000 đồng (chín triệu đồng);

Bà Nguyễn Thị N phải nộp số tiền 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng);

Bà Phương Thị N phải nộp số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng);

Bà Lương Thị B phải nộp số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng);

Bà Lộc Thị N phải nộp số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng);

Bà Vi Thị Ngọc H phải nộp số tiền 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng);

Bà Hoàng Thị D phải nộp số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng);

3.2. Truy thu bị cáo Phạm D số tiền lãi tương ứng với mức 20%/năm theo quy định là 1.214.795 đồng (một triệu hai trăm mười bốn nghìn bảy trăm chín năm nghìn đồng).

3.3. Buộc bị cáo Phạm D phải có trách nhiệm trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án số tiền lãi đã thu vượt mức 20%/năm, tổng là 64.550.205 đồng (sáu tư triệu năm trăm năm mươi nghìn hai trăm linh năm đồng), cụ thể:

Trả cho bà Nguyễn Thị N 26.241.781 đồng (hai sáu triệu hai trăm bốn một nghìn bảy trăm tám một đồng)

Trả cho bà Phương Thị N 7.716.438 đồng (bảy triệu bảy trăm mười sáu nghìn bốn trăm ba tám đồng)

Trả cho bà Lương Thị B 5.507.534 đồng (năm triệu năm trăm linh bảy nghìn năm trăm ba tư đồng)

Trả cho bà Lộc Thị N 11.604.110 đồng (mười một triệu sáu trăm linh tư nghìn một trăm mười đồng)

Trả cho bà Vi Thị Ngọc H 7.221.233 đồng (bảy triệu hai trăm hai một nghìn hai trăm ba ba đồng)

Trả cho bà Hoàng Thị D 6.259.110 đồng (sáu triệu hai trăm năm chín nghìn một trăm mười đồng)

Khi Bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành nếu bên phải thi hành chậm trả thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu hóa giá 01 điện thoại di động, nhãn hiệu GALAXY A15, màu tím than, số IMEI 1: 357301903624352; IMEI 2: 357371923624351, máy cũ đã qua sử dụng, lắp thẻ sim Viettel số thuê bao 0857.066.356.

(Vật chứng nói trên đang được lưu giữ tại phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Lạng Sơn, có đặc điểm như được mô tả trong biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 04/12/2025 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn và phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Lạng Sơn).

5. Về án phí: Buộc bị cáo Phạm D phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND Khu vực 1 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS Khu vực 1- Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người có QL,NVLQ đến vụ án;
- Lưu hồ sơ, HCTP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đổng Thị Ninh

